TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/DS-ST
Ngày: 26-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Chọn

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thuận** – Kiểm sát viên

Vào ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 513/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q**

Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà Sailling Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nông Văn T**, ông **Huỳnh Tống N**, ông **Nguyễn Văn Đ**, ông **Nguyễn Hoàng T**

Cùng địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Paxsky, số 26 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền lập ngày 19/02/2024)

Bị đơn: Bà **Cao Bích T**, sinh năm 1988 và ông **Nguyễn Thanh Th**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: F20 đường số 3, khu dân cư 13C, ấp 5, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Ngoan có mặt phiên tòa; bà T, ông Th vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q là ông Phạm Tiến N trình bày:

Ngày 18/9/2019, Ngân hàng TMCP Q (VIB) – trung tâm kinh doanh hội sở ký với bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th theo Hợp đồng tín dụng số 7999144.19 ngày 18/09/2019 với nội dung: VIB cho bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th vay số tiền 550.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: vay mua ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner, mục đích sử dụng đi lại cá nhân; Thời hạn vay: 72 tháng, từ ngày 20/09/2019 đến ngày 19/09/2025;

Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,8%/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.2%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh công biên độ 3.9%/năm; Trả nợ gốc: hàng tháng vào ngày 30, trả **7,638,000** VNĐ, phần còn lại trả vào kỳ cuối; Trả nợ lãi: hàng tháng vào ngày 30, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 30/10/2019.

VIB đã giải ngân cho bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7999144 (1).19 ngày 19/09/2019 với số tiền 550.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Khoản vay có tài sản bảo đảm, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9033741.19 ngày 18/09/2019. Tuy nhiên VIB không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm này.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù VIB luôn đôn đốc khách hàng thanh toán dứt nợ nhưng khách hàng vẫn không thực hiện, cố tình kéo dài thời gian trả nợ cho Ngân hàng.

Bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th đã thanh toán cho VIB số tiền là 101,400,000 đồng (trong đó gốc: 65,171,524 đồng, lãi: 36,228,476 đồng).

Tạm tính đến ngày 11/10/2023, bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền: 806.009.085 đồng (tám trăm lẻ sáu triệu không trăm lẻ chín nghìn không trăm tám mươi lăm đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 484,828,476 đồng, nợ lãi phát sinh là: 321.180.609 đồng.

Do đó, ông đại diện nguyên đơn yêu cầu bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th trả ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền (tạm tính đến ngày 11/10/2023) là:

806.009.085 đồng (tám trăm lẻ sáu triệu không trăm lẻ chín nghìn không trăm tám mươi lăm đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc là: 484,828,476 đồng, nợ lãi phát sinh là: 321.180.609 đồng.

Đề nghị Quý Tòa tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 12/10/20232023 cho đến khi bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Q.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q là ông Huỳnh Tống N yêu cầu bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/02/2024 là: 849.452.373 đồng (tám trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 484.828.476 đồng, lãi phát sinh 364.623.897 đồng. đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tính lãi quá hạn từ ngày 27/02/2024 cho đến khi bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Q.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 9 năm 2023 và biên bản ghi nhận sự việc ngày 26/9/2023 bị đơn bà Cao Bích T trình bày:

Bà xác nhận bà và ông Th có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng VIB số 799914419 ngày 18/9/2019 với nội dụng là vay vốn số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng để mua ô tô. Hiện nay khoản vay đã bị chậm thanh toán, số tiền nợ gốc tính đến ngày 29/6/2023 là 484.828.476 đồng, lãi phát sinh chậm nộp là 288.440.739 đồng, tổng cộng là 773.269.215 đồng (bảy trăm bảy mươi ba triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm mười lăm đồng). Trong thời gian đầu sau khi vay vốn bà và ông Th vẫn thanh toán lãi và gốc hàng tháng theo thỏa thuận vay vốn cho ngân hàng VIB, giai đoạn từ tháng 3/2020 đến nay do ảnh hưởng từ dịch covid nên công việc kinh doanh của gia đình bà bị ảnh hưởng nghiêm trọng, các khoản nợ phải thu hồi trong kinh doanh của gia đình cũng không thu hồi được và tình hình kinh doanh chưa phục hồi. Bà xác nhận bà đồng ý thanh toán các vay và lãi của ngân hàng VIB mà bà và ông Th đang nợ. Nhưng còn đang trong giai đoạn khó khăn chưa thể trả ngay tiền nợ cho ngân hàng nên bà đề nghị được thanh toán khoản vay như sau:

Bà xin ngân hàng giảm lãi cho bà và xin chốt lại tổng nợ gốc và lãi phải trả là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), được trả trong vòng 6 tháng, thời gian bắt đầu trả là ngày 30/10/2023, trong khoảng thời gian trả nợ đề nghị ngân hàng không tính lãi phát sinh.

Bà cam kết sẽ thanh toán số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào ngày 30 dương lịch mỗi tháng.

Bà và ông Th hiện tại vẫn đang sinh sống tại địa chỉ F20 đường số 3, khu dân cư 13C, ấp 5, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và tất cả văn bản mà Tòa án giao cho bà và ông Th thì bà và ông Th đều nhận được.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Cao Bích T, ông Nguyễn Thanh Th thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 849.452.373 đồng (tám trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 484.828.476 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử là 364.623.897 đồng

Buộc bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th tiếp tục trả lãi suất quá hạn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký với ngân hàng TMCP Q.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th yêu cầu bà T và ông Th phải trả cho Ngân hàng Q số tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7999144.19 ngày 18/9/2019 giữa VIB với bà T và ông Th. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Cao Bích T, ông Nguyễn Thanh Th hiện đang cư trú tại địa chỉ F20 đường số 3, khu dân cư 13C, ấp 5, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th nhưng bà T và ông Th vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T và ông Th là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Bà T và ông Th đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q nhưng chỉ có bà T đến trình bày ý kiến còn ông Th không đến tòa trình bày ý kiến, bà T và ông Th không tham dự các buổi công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử theo quy định mà vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[5] Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[6] Về các yêu cầu của đương sự:

Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc và nợ lãi của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7999144.19 ngày 18/9/2019 giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th được ký hoàn toàn tự nguyện tuân thủ về hình thức và nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Tại thời điểm ký hợp đồng bà T và ông Th đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật nên Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7999144.19 ngày 18/9/2019 là có thật và hợp pháp, có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn bà Cao Bích T thừa nhận bị đơn có vay của ngân hàng TMCP Q số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng Q, hiện nay bị đơn chưa thanh toán số tiền nợ gốc là 484.828.476 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng).

Ông Nguyễn Thanh Th đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của ngân hàng VIB nhưng ông Th không đến Tòa và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Như vậy bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc là 484.828.476 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng) của hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7999144.19 ngày 18/9/2019

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà T và ông Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 26/02/2024 thì bà T và ông Th còn nợ ngân hàng Q số tiền: 849.452.373 đồng (tám trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 484.828.476 đồng, lãi phát sinh 364.623.897 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Cao Bích T đồng ý thanh toán số tiền mà bà và ông Th còn nợ ngân hàng, tuy nhiên bà xin chốt lại tổng nợ gốc và lãi phải trả là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), được trả trong vòng 6 tháng, thời gian bắt đầu trả là ngày 30/10/2023, trong khoảng thời gian trả nợ đề nghị Ngân hàng không tính lãi phát sinh. Bà cam kết sẽ thanh toán số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào ngày 30 dương lịch mỗi tháng. Tại phiên tòa, Nguyên đơn không đồng ý với đề nghị của bị đơn nêu trên, đồng thời, đề nghị của bị đơn không phù hợp với thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn tại Hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét thấy: Bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận đã ký với ngân hàng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/02/2024 là: 849.452.373 đồng (tám trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 484.828.476 đồng, lãi phát sinh 364.623.897 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91 luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th phải trả cho Ngân hàng TPCM Q số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/02/2024 là: 849.452.373 đồng (tám trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 484.828.476 đồng, lãi phát sinh 364.623.897 đồng

Điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 quy định: *"Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật*" "*Mức lãi suất hai bên thỏa thuận" hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án"*. Do đó, bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7999144.19 ngày 18/9/2019 giữa Ngân hàng với bà T và ông Th kể từ ngày 27/02/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nguyên đơn không yêu cầu Hội đồng xét xử xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số khung RL4ZX69GXG9017613, số máy 2TRA152945, biển kiểm soát 51H-033.79 đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn là bà T và ông Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th.

1.1. Buộc bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền 849.452.373 đồng (tám trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 484.828.476 đồng, lãi phát sinh 364.623.897 đồng

1.2. Kể từ ngày 27/02/2024 bà Cao Bích T và ông Nguyễn Thanh Th còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7999144.19 ngày 18/9/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân

hàng TMCP Q thì lãi suất mà bà T và ông Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Q.

2. Về án phí:

2.1. Bà T, ông Th phải chịu số tiền 37.483.571 đồng (ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí 13.091.280 đồng (mười ba triệu không trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm tám mươi đồng) mà Ngân hàng TMCP Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042066 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy